TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2025/DS-PT
Ngày: 27/8/2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiệu

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thu Hương

2. Lê Thị Phương Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Thanh Hóa) bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; vắng mặt.

Địa chỉ: Đường D N4B M T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. ĐT 0983747374.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị T1, sinh năm 1990; theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/7/2024; có mặt.

Địa chỉ: Lô E Đại lộ V, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** 1. Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1987; vắng mặt.

2. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1980; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm B xã X, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn D: Luật sư Đào Bá S - Công ty L2 chi nhánh T3 - Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; theo Hợp đồng ủy quyền ngày 23/8/2025; có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Hoàng Văn D.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Thanh Hóa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2024, Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Giữa anh Nguyễn Văn T và anh Hoàng Văn D là anh em họ hàng. Do có nhu cầu để kinh doanh làm ăn nên ông T đã cho ông D và bà H vay tiền nhiều lần. Đến ngày 18/02/2023 giữa ông T, ông D và bà H đã chốt công nợ với nhau bằng Giấy viết tay, tổng số tiền ông D bà H nợ của ông T là 3.670.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm bảy mươi triệu đồng). Thời hạn vay tiền là 05 tháng, tính từ ngày 18/02/2023 đến ngày 18/7/2023. Tuy nhiên đến hạn ông D và bà H không trả cho ông T số tiền trên, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông D bà H trả nợ, nhưng ông bà không thực hiện việc trả nợ và vi phạm cam kết, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà H phải trả khoản nợ gốc là 3.670.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm bảy mươi triệu đồng) và khoản lãi quá hạn với mức 10%/năm tính từ 18/7/2023 đến 22/5/2025 là: 3.670.000.000đ x 10%/năm x 22 tháng 04 ngày = 676.911.000đ. Tổng gốc và lãi là: 4.346.911.000đ (Bốn tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm mười một nghìn đồng).

Yêu cầu ông D bà H tiếp tục trả lãi từ ngày xét xử cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi.

* Tại bản tự khai và quá trình hoà giải ông D trình bày: Tôi (D) và ông T là anh em họ với nhau. Vào giữa năm 2021 tôi có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền gốc là 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn), lãi suất là 5%/tháng.

Quá trình trả nợ hàng tháng tôi trả tiền lãi đầy đủ cho anh T là 120.000.000đ/tháng, tôi chưa trả số tiền gốc là 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn).

Tháng 02/2023 ông T về quê X có đến yêu cầu tôi phải trả nợ, đồng thời ông T cầm dao dọa giết tôi tôi nếu tôi không trả nợ, tôi định báo Công an nhưng bố tôi và vợ tôi can ngăn nên tôi không báo Công an.

Tôi và ông T ngồi lại với nhau chốt nợ, tôi còn nợ của ông T 2.400.000.000đ tiền gốc và khoảng hơn một tỷ tiền lãi chưa trả được, tôi yêu cầu với anh T là tôi gán nợ cho anh T bằng mảnh đất mà tôi đang sử dụng nhưng anh T không đồng ý và yêu cầu tôi phải trả tiền mặt. Tôi và anh T thống nhất ghi giấy cả gốc và lãi là ba tỷ sáu trăm bảy mươi triệu đồng, không ghi rõ bao nhiêu gốc và bao nhiêu lãi mà chỉ ghi chung.

Tôi có hẹn 6 tháng sau tôi sẽ trả đỡ cho anh T ít nhất là một tỷ nhưng vì do làm ăn thua lỗ nên tôi chưa trả được. Đến tháng 8 năm 2023 anh T về quê đến nhà chửi bới đe dọa, đi cùng có anh Trần Danh T2 và anh T yêu cầu chúng tôi làm lại

giấy tờ thì tôi và anh T ghi rõ trong giấy số tiền gốc là 2.400.000.000đ và tiền lãi đã trả gần một tỷ ba trăm triệu đồng, ông T đã nhận đủ số tiền lãi đó, trong giấy này người làm chứng là ông Trần Danh T2. Tôi yêu cầu anh T trả lại cho tôi cái giấy cũ đã viết số tiền 3.670.000.000đ, anh T hẹn sẽ gửi trả lại sau nhưng anh T không gửi trả lại cho tôi mà sử dụng giấy này để đòi nợ tôi số tiền gốc 3.670.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm bảy mươi triều đồng chẵn).

Nay anh T kiện tôi yêu cầu tôi phải trả số tiền gốc là 3.670.000.000đ và số tiền lãi 572.678.0000đ, tôi không đồng ý với số tiền anh T kiện tôi.

Tôi yêu cầu anh T phải cung cấp giấy viết tay giữa tôi và anh T, trong giấy đó đã ghi rõ số tiền nợ gốc, số tiền lãi anh T đã nhận để làm căn cứ xác định số nợ gốc và nợ lãi còn lại, chứ số tiền lãi như giấy vay nợ anh T cung cấp ra Tòa án thì số tiền lãi phát sinh là quá cao so với quy định của pháp luật.

Bà Đinh Thị H trình bày: Tôi không biết đến việc ông D vay tiền của T, vay bao nhiêu lãi suất tiền vay như thế nào tôi không biết, đến khi anh T về cầm dao kè vào cổ anh D thì tôi sợ anh T và anh D xảy ra chuyện không hay nên tôi mới đồng ý ký vào giấy vay tiền, thực tế tôi không liên quan gì đến việc anh D vay tiền của anh T, nên tôi không có trách nhiệm.

* Tại Bản án số 48/2025/DS-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ: Khoản 3 điều 26; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Điều 271; Khoản 1 điều 273; Khoản 1 điều 147; Điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463, Khoản 1, 4 điều 466; Khoản 2 điều 468; Khoản 1 điều 470; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 điều 24 và khoản 4 điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc Bị đơn là anh Hoàng Văn D và chị Đinh Thị H phải trả nợ cho anh Nguyễn Văn T gồm: Số tiền gốc là 3.670.000.000đ; Số tiền lãi là 676.636.420đ. Tổng gốc và lãi = 4.346.636.420d (Bốn tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba sáu ngìn bốn trăm hai mươi đồng).

Về án phí: Buộc anh Hoàng Văn D và chị Đinh Thị H chịu án phí DSST có giá ngạch là 112.346.6364đ.

Trả lại cho Nguyên đơn số tiền 56.022.000₫ đã nộp tạm ứng án phí (Người được uỷ quyền Trịnh Thị T1) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002770 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thọ Xuân.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 03/6/2025, bị đơn ông Hoàng Văn D kháng cáo Bản án số 48/2025/DS-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân (nay là

Tòa án nhân dân khu vực 8), tỉnh Thanh Hóa; Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét xác định ông D nợ ông T1 số tiền gốc là 2.4000.000.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật, đã trả được 85.000.000đ tiền lãi; đề nghị xem xét trước khi ký giấy nợ ngày 18/02/20023 thì ông D đã thanh toán lãi cho ông T1 5%/tháng.

* Ngày 09/6/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Thanh Hóa) ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS, kháng nghị một phần Bản án số 48/2025/DS-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), tỉnh Thanh Hóa, về phần tính tiền gốc và lãi, án phí dân sự sơ thẩm; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn D; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Thanh Hóa; sửa một phần Bản án số 48/2025/DS-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), tỉnh Thanh Hóa; xác định ông D bà H nợ của ông T1 số tiền 3.670.000.000đ đã thanh toán cho ông T1 số tiền lãi 85.000.000đ tiền lãi. Xác định lại án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện bị đơn ông Hoàng Văn D và bà Đinh Thị H tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã X, tỉnh Thanh Hóa); Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn D, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân (nay là Tòa án nhân dân

khu vực 8) làm theo đúng trình tự, thời hạn quy định tại các Điều 272, 273, 278, 279, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn D.

[2.1] Xem xét hợp đồng vay tài sản.

Ngày 18/02/2023, ông Hoàng Văn D và bà Đinh Thị H viết giấy xác nhận nợ của anh Nguyễn Văn T số tiền 3.670.000.000đ, thời hạn trả nợ là 18/7/2023; không thỏa thuận lãi suất; ông Hoàng Văn D và bà Đinh Thị H đều ký ghi rõ họ tên vào giấy.

Ông D cho rằng trong tổng số tiền 3.670.000.000đ, có 2.400.000.000đ là nợ gốc, số tiền 1.270.000.000đ là nợ lãi. Ông T không thống nhất với lời trình bày của ông D và ông D cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh số tiền 3.670.000.000đ là dồn cả gốc và lãi. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền nợ gốc 3.670.000.000đ là có căn cứ.

[2.2] Xem xét nội dung kháng cáo liên quan đến việc ông D đã thực hiện nghĩa vụ trả một phần lãi cho ông T.

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn đã cung cấp nội dung tin nhắn zalo, sao kê TK của ông D thì có căn cứ xác nhận ông D đã thanh toán cho ông T 85.000.000đ tiền lãi, cụ thể chuyển khoản các ngày:

Ngày 10/10/2023: Chuyển khoản 20.000.000đ

Ngày 23/10/2023: Chuyển khoản 10.000.000đ

Ngày 11/11/2023: Chuyển khoản 30.000.000đ

Ngày 14/12/2023: Chuyển khoản 25.000.000đ

Tuy nhiên cấp sơ thẩm không xem xét số tiền 85.000.000đ nêu trên là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất ông D đã thanh toán cho ông T 85.000.000đ tiền lãi.

Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của ông D, xác định ông D đã thanh toán cho ông T số tiền lãi 85.000.000đ.

Như vậy, ông D bà H còn phải thanh toán cho ông T số nợ gốc là 3.670.000.000đ và số tiền lãi là 591.636.420đ (676.636.420đ - 85.000.000đ). Tổng gốc và lãi ông D bà H phải thanh toán cho ông T là 4.261.636.420đ.

[2.3] Xem xét nội dung kháng cáo về việc trước ngày 18/02/2023 ông D đã thanh toán lãi cho ông T 5%/tháng.

Ông D trình bày ông vay của ông T số tiền 2.400.000.000đ từ năm 2021 và thanh toán lãi là 5%/tháng; người đại diện theo ủy quyền của ông T không thống nhất nội dung trình bày của ông D và ông D cũng không cung cấp được tài liệu

chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của ông D.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8), tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào nhận định phần [2.2], Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân (nay là VKSND khu vực 8), tỉnh Thanh Hóa; sửa một phần bản án sơ thẩm, xác định ông D bà H đã thanh toán cho ông T số tiền lãi là 85.000.000đ. Xác định lại án phí bị đơn phải chịu trên số tiền phải thanh toán cho ông T.

[4] Về án phí: Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

* Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8), tỉnh Thanh Hóa; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn D.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), tỉnh Thanh Hóa;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T: Buộc bị đơn ông Hoàng Văn D và bà Đinh Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc là 3.670.000.000đ; số tiền lãi là 676.636.420đ, nhưng thanh toán được 85.500.000đ, còn lại 591.636.420đ. Tổng gốc và lãi ông Hoàng Văn D và bà Đinh Thị H còn phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T là 4.261.636.420đ (Bốn tỷ, hai trăm sáu mươi mốt triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi đồng).

* Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn D và bà Đinh Thị H phải chịu 112.261.636đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông D 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu số 0006295 ngày

10/6/2025 của thi hành án dân sự huyện T (nay là Thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Thanh Hóa).

3. Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS,TA,THADS khu vực 8;
- Đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Hiệu